

Số: 86 /CV-VASEP

V/v góp ý dự thảo QCVN nước thải công nghiệp phiên bản 5/9/2023 liên quan lĩnh vực Nuôi trồng Thủy sản

Tp Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường)

- Cục Kiểm soát Ô nhiễm Môi trường (Bộ TN và Môi trường)

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các doanh nghiệp (DN) thành viên chân thành cảm ơn các Đơn vị của Bộ TNMT (*Vụ Pháp chế, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường*) đã luôn quan tâm, hỗ trợ VASEP và các DN thủy sản trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện môi trường kinh doanh thời gian qua. Đặc biệt là sự lắng nghe, trao đổi tích cực và thống nhất phù hợp của ban soạn thảo quy chuẩn nước thải công nghiệp đối với một số nội dung chính mà Hiệp hội VASEP đã góp ý, kiến nghị thời gian qua (*Biên bản xác nhận nội dung làm việc ngày 20/4/2023 giữa VASEP và Cục KSON*).

Hiệp hội cũng đánh giá cao dự thảo QCVN về nước thải công nghiệp phiên bản ngày 5/9/2023 (sau đây gọi tắt là **dự thảo**) với nhiều sửa đổi, bổ sung mới phù hợp hơn với hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam - trong đó đã bao gồm các nội dung đã được 2 bên thống nhất tại Biên bản ký ngày 20/4/2023.

Tại cuộc họp thẩm định Dự thảo ngày **18/9/2023** do Vụ Pháp chế (Bộ TNMT) chủ trì, Hiệp hội VASEP cũng đã có thêm một số góp ý-kiến nghị quan trọng cho Dự thảo mới nhất kể trên liên quan đến lĩnh vực NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - do các giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm cho nước thải ao nuôi thủy sản chưa phù hợp với ngành nuôi trồng thủy sản. Lĩnh hội ý kiến kết luận của chủ trì cuộc họp này, Hiệp hội đã cùng các DN thành viên nghiên cứu thêm bản Dự thảo mới, và xin được tổng hợp các góp ý-kiến nghị liên quan đến lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, gửi tới Quý Vụ/Cục cụ thể như sau:

1. Về chỉ tiêu Phospho:

Ngưỡng quy định của chỉ tiêu phospho được áp dụng với mức cao hơn cho chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến tinh bột sắn và sơ chế cao su thiên nhiên nhưng chưa được xem xét áp dụng cho nuôi trồng thủy sản.

Kiến nghị: bổ sung thêm loại hình “*nuôi trồng thủy sản*” vào đối tượng áp dụng tại phần chú thích (c) của Bảng 2 Mục 2.2:

“(c) Chỉ áp dụng đối với dự án, cơ sở thuộc các loại hình chế biến thủy sản và nuôi trồng thủy sản, chế biến tinh bột sắn và sơ chế cao su thiên nhiên.”

2. Về chỉ tiêu BOD, COD, TSS:

Theo dự thảo thì các trại nuôi trồng thủy sản đa số sẽ thuộc **vùng A** và lưu lượng xả thải > 500 m³/ngày, theo đó các ngưỡng quy định đối với 3 chỉ tiêu TSS, COD, BOD trong dự thảo đang **ngghiêm ngặt hơn rất nhiều** so với QCVN 40:2011/BTNMT và cả tiêu chuẩn

Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt nhất (BAP) của Hoa Kỳ mà chưa thấy các lý giải khoa học thuyết phục cho sự “điều chỉnh” này (chi tiết xin xem tại Bảng so sánh dưới đây).

Bảng 1: So sánh ngưỡng quy định của các chỉ tiêu TSS, COD, BOD (đơn vị: mg/L)

Stt	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn BAP (Mỹ) Farm Standard Issue 3.1 – 07- February-2023	QCVN 40:2011/BTN MT		Dự thảo QCVN40:2023/BTNMT			Nhận xét
			Vùng A	Vùng B	Vùng A	Vùng B	Vùng C	
1	TSS	50	50	100				Đa số các chỉ tiêu TSS, COD, BOD giảm từ 13 – 40% .
	<i>Lưu lượng ≤ 500 m³/ngày</i>				≤ 30	≤ 40	≤ 50	
	<i>Lưu lượng > 500 m³/ngày</i>				≤ 30	≤ 100	≤ 120	
2	COD	Không quy định	75	150				
	<i>Lưu lượng ≤ 500 m³/ngày</i>				≤ 65	≤ 90	≤ 130	
	<i>Lưu lượng > 500 m³/ngày</i>				≤ 60	≤ 70	≤ 90	
3	BOD	50	30	50				
	<i>Lưu lượng ≤ 500 m³/ngày</i>				≤ 30	≤ 40	≤ 50	
	<i>Lưu lượng > 500 m³/ngày</i>				≤ 25	≤ 30	≤ 35	

Kiến nghị: đối với các ao nuôi trồng thủy sản được áp dụng ngưỡng quy định 3 chỉ tiêu TSS, COD, BOD phù hợp theo Tiêu chuẩn Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt nhất (BAP) của Hoa kỳ đang sử dụng để đánh giá-chứng nhận các ao nuôi thủy sản ở Việt Nam và toàn cầu, cụ thể như Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Ngưỡng đề xuất cho 3 chỉ tiêu TSS, BOD, COD đối với loại hình nuôi trồng thủy sản (đơn vị: mg/L)

Stt	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn BAP (Mỹ) Farm Standard Issue 3.1 – 07- February-2023	QCVN 40:2011/BTN MT		Dự thảo QCVN40:2023/BTNMT (<i>lưu lượng xả thải F ≤ 500m³/ngày</i>)			Nhận xét
			Vùng A	Vùng B	Vùng A	Vùng B	Vùng C	
1	TSS	50	50	100	≤ 50	≤ 100	≤ 120	Vì công nghệ xử lý là như nhau nên áp dụng 1 mức cho cả 2 mức lưu lượng xả thải ≤ 500m ³ /ngày và > 500m ³ /ngày
2	COD	Không quy định	75	150	≤ 75	≤ 150	≤ 180	
3	BOD	50	30	50	≤ 50	≤ 75	≤ 100	

LÝ DO:

I. Về thực tiễn thực thi:

1. Trước đây, loại hình Nuôi trồng thủy sản không có QCVN riêng, phải áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp. Tuy nhiên, các chỉ tiêu tại QCVN này rất khắt khe và rất khó để các trại nuôi thủy sản đạt được. Đồng thời cũng không phù hợp với điều kiện thực tế của các trại nuôi. Vấn đề này đã & đang tạo nên áp lực lớn về công tác xử lý nước thải đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Dự thảo đưa ra các chỉ tiêu còn nghiêm ngặt hơn cả QCVN 40:2011 càng gây thêm khó khăn và bất khả thi cho việc tuân thủ của các trại nuôi.
2. Tiêu chuẩn BAP của Hoa Kỳ là tiêu chuẩn rất cao về phát triển bền vững. Đa phần khách hàng Mỹ & các nước Bắc Mỹ đều dùng BAP để yêu cầu các DN xuất khẩu thủy sản vào Mỹ phải áp dụng & đạt được BAP, trong đó có các DN thủy sản Việt Nam. Việc QCVN là quy chuẩn bắt buộc của Việt Nam dự kiến nghiêm ngặt hơn rất nhiều tiêu chuẩn BAP của Mỹ là một bất cập lớn ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của ngành hàng khi so sánh các điều kiện đáp ứng với chính Hoa Kỳ và các nước xuất khẩu thủy sản cạnh tranh với Việt Nam (Thái Lan, Ecuador, Indonesia...).
3. Điều kiện xử lý nước thải trong quá ***trình nuôi thủy sản được áp dụng phương án xử lý lắng lọc sinh học*** trong ao lắng thải (chỉ xử lý bằng ao lắng tự nhiên), do đó không phù hợp và khả thi cho phương án đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo quy trình xử lý với thiết bị công nghiệp như ở các nhà máy hoặc các ngành sản xuất công nghiệp. Chất lượng nước thải từ ao nuôi trước khi thải ra môi trường bên ngoài yêu cầu có các chỉ tiêu gây ô nhiễm theo giới hạn của dự thảo là ***rất khó đạt được & thậm chí bất khả thi*** trong khi điều kiện xử lý của các ao nuôi chỉ áp dụng biện pháp xử lý sinh học trong ao lắng thải.

II. Về tương quan với các quy định của Việt Nam:

Các giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải nuôi thủy sản tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Bộ NNPTNT (***QCVN 02-19:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ – điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm*** và ***QCVN 02-20: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi cá tra trong ao – điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm***) được quy định cao hơn so với các ngành khác do nước thải của trại nuôi thủy sản chỉ xử lý bằng ao lắng tự nhiên.

Hiện nay, Hoa Kỳ đã chính thức công nhận Chương trình kiểm soát cá tra của Việt Nam là tương đồng với Mỹ. Theo đó các quy định về nước thải trại nuôi cá tra tại QCVN 02-20:2014/BNNPTNT (theo Quyết định số 1802/QĐ-BNN-QLCL ngày 22/05/2020 của Bộ NNPTNT ban hành “*Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm cá và các sản phẩm cá bộ Siluriformes xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ*”) cũng đã được Hoa Kỳ chấp nhận.

Tuy nhiên, các ngưỡng quy định của các chỉ tiêu trong dự thảo đang cao hơn rất nhiều so với các ngưỡng quy định của các chỉ tiêu tương ứng trong 2 QCVN của Bộ NNPTNT nói trên.

Bảng 3: So sánh ngưỡng đề xuất các chỉ tiêu nước thải trong của QCVN của Bộ NNPTNT với QCVN 40:2011/BTNMT và dự thảo (đơn vị: mg/L)

Stt	Chỉ tiêu	QCVN 02 - 19 : 2014 (cơ sở nuôi tôm nước lợ)	QCVN 02 - 20 : 2014 (cơ sở nuôi cá tra trong ao)	QCVN 40:2011/BTNMT		Dự thảo QCVN40:2023/BTNMT		
				Vùng A	Vùng B	Vùng A	Vùng B	Vùng C
1	TSS	100	100	50	100	≤ 30 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 40 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 50 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)
2	COD	150	150	75	150	≤ 65 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 90 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 130 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)
3	BOD	50	50	30	50	≤ 30 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 40 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)	≤ 50 ($F \leq 500m^3/\text{ngày}$)
4	Phospho	Không quy định	Không quy định	4	6			
	<i>Nguồn nước tiếp nhận là hồ</i>					≤ 2,0	≤ 2,5	≤ 3,0
	<i>Nguồn nước tiếp nhận là sông</i>					≤ 4,0	≤ 6,0	≤ 8,0
	<i>Nguồn nước tiếp nhận là vùng biển</i>					≤ 4,0	≤ 6,0	≤ 10

III. Về thông lệ quốc tế:

Như đề cập tại mục (I) trên, ngưỡng quy định của các chỉ tiêu của nước thải nuôi thủy sản trong dự thảo cũng đang thấp hơn so với các chỉ tiêu được quy định trong Tiêu chuẩn Thực hành Nuôi trồng Thủy sản Tốt nhất (BAP) của Hoa kỳ được phát triển bởi Liên minh Nuôi trồng Thủy sản Toàn cầu (GAA) (*chi tiết cụ thể xin xem tại Bảng 1*).

Có thể thấy, các ngưỡng quy định của các chỉ tiêu nói trên trong dự thảo chưa phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, đồng thời chưa phù hợp với thông lệ quốc tế là mức yêu cầu đặt ra các thách thức lớn trong xử lý nước thải nông nghiệp nói chung và nuôi trồng thủy sản nói riêng, một cách không cần thiết và giảm tính cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam. Vấn đề “*vi phạm quy định môi trường*” khi xảy ra là vô cùng nhạy cảm đối với các doanh nghiệp thủy sản do liên quan đến các cam kết tuân thủ & trách nhiệm môi trường với khách hàng quốc tế được cụ thể trong hợp đồng và các chứng nhận phát triển bền vững mà DN phải thực hiện. Bất kỳ có thông tin hoặc dấu hiệu cho thấy nhà máy vi phạm các quy định về môi trường của quốc gia, thì đều sẽ dẫn đến bị cắt hợp đồng và cảnh báo công khai toàn cầu theo cách này hoặc cách khác. Điều này sẽ tác động tiêu cực lớn tới không chỉ phạm vi một DN mà còn hình ảnh & kim ngạch xuất khẩu của quốc gia, và kéo theo là cả sinh kế của hàng triệu nông-ngư dân.

Tiếp nối ý kiến của VASEP tại văn bản số 04/CV-VASEP ngày 21/01/2022 gửi Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ TNMT về vấn đề này, để hỗ trợ ngành thủy sản có các cơ hội thực hiện tốt chiến lược phát triển thủy sản đến 2030 như Quyết định 339/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giúp các DN thủy sản nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, vừa đảm bảo công tác quản lý nhà nước về môi trường, Hiệp hội VASEP trân trọng đề nghị Bộ Tài nguyên Môi trường và Quý Vụ/Cục sớm xem xét điều chỉnh Dự thảo theo các góp ý-kiến nghị bổ sung trên để ngành hàng thực hiện được tốt nhất cả các yêu cầu về môi trường và kinh tế, sinh kế.

Trân trọng cảm ơn và kính chào ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ TNMT;
- Bộ NNPTNT;
- Cục Thủy sản (Bộ NNPTNT);
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- BCH và BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI

TỔNG THƯ KÝ



Trương Đình Hòa